

Số: 82 /CNTT5  
V/v công bố định dạng  
trao đổi dữ liệu IBPS2.5

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Các thành viên Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng.

Triển khai Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (TTLNH), Cục Công nghệ thông tin (CNTT) công bố định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5 của hệ thống TTLNH, cụ thể như sau:

### **1. Mục đích**

Định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5 được phát hành để đáp ứng các mục tiêu sau:

- Bổ sung thêm một số trường dữ liệu phục vụ các dịch vụ thanh toán mới và đảm bảo tuân thủ thông tư 37/2016/TT-NHNN; loại bỏ một số trường dữ liệu trao đổi không sử dụng để làm giảm dung lượng thông tin trao đổi đối với mỗi giao dịch;

- Bổ sung các thiết lập liên quan đến trao đổi dữ liệu theo định dạng file text có cấu trúc/định dạng bảng dữ liệu để tăng hiệu năng xử lý của hệ thống.

*Yêu cầu về dữ liệu và kỹ thuật đối 02 phương thức trao đổi dữ liệu WebService và Queue sẽ được NHNN dự thảo lấy ý kiến các thành viên và ban hành sau ngày 01/6/2018.*

### **2. Phạm vi áp dụng**

Định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5 được áp dụng trong việc trao đổi dữ liệu giữa chương trình CITAD của hệ thống TTLNH với các hệ thống nội bộ (CoreBank) của thành viên.

### **3. Nội dung định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5**

Định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5 và tài liệu Phụ lục những thay đổi chính của định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5 được công bố trên Website của NHNN: [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn) chuyên mục *Thanh toán & ngân quỹ/ Các hệ thống thanh toán trong nền kinh tế/ Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng*

### **4. Kế hoạch dự kiến**

#### **4.1. Phát hành chương trình CITAD**

- Phiên bản CITAD 5.0.0.1.0.0 tương thích với định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5 (định dạng file text có cấu trúc/định dạng bảng dữ liệu) dự kiến sẽ được phát hành vào đầu tháng 12/2017.

- Sau khi nhận được phiên bản CITAD 5.0.0.1.0.0 các thành viên hệ thống TTLNH có thể thực hiện chạy thử nghiệm chương trình CITAD 5.0.0.1.0.0 và định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5 trên hệ thống TTLNH thử nghiệm của NHNN.

#### **4.2. Triển khai áp dụng định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5**

- Thời gian áp dụng định dạng IBPS2.5 trên hệ thống TTLNH dự kiến là ngày 15/01/2018, thời gian chính thức sẽ công bố cùng với thời điểm phát hành phiên bản CITAD 5.0.0.1.0.0.

- Để hỗ trợ các thành viên chưa kịp chỉnh sửa các hệ thống phần mềm nội bộ của thành viên để đáp ứng định dạng đổi dữ liệu IBPS2.5, chương trình CITAD 5.0.0.1.0.0 sẽ hỗ trợ các định dạng trao đổi dữ liệu cũ (IBPS1.0, IBPS2.0, IBPS2.3) giữa Corebank của thành viên và Gateway-CITAD theo hướng như sau:

+ Thực hiện chuyển đổi từ định dạng trao đổi dữ liệu cũ sang định dạng đổi dữ liệu IBPS2.5 đối với lệnh thanh toán đi từ Corebank sang Gateway-CITAD;

+ Thực hiện chuyển đổi từ định dạng đổi dữ liệu IBPS2.5 sang định dạng trao đổi dữ liệu cũ đối với lệnh thanh toán về Gateway-CITAD sang Corebank;

+ Trao đổi giữ chương trình CITAD 5.0.0.1.0.0 của thành viên với trung tâm xử lý của hệ thống TTLNH sẽ theo định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5.

#### **4.2. Kế hoạch dừng hỗ trợ các định dạng trao đổi dữ liệu cũ**

Nhằm nâng cao tính an toàn bảo mật và hiệu quả sử dụng của hệ thống TTLNH, NHNN sẽ dừng hỗ trợ các định dạng trao đổi dữ liệu cũ (IBPS1.0, IBPS2.0, IBPS2.3) kể từ ngày 15/01/2019. Do đó, các thành viên cần lập kế hoạch chỉnh sửa các hệ thống phần mềm nội bộ của thành viên để đáp ứng các yêu cầu của NHNN.

Đề nghị các Ông/ Bà Tổng Giám đốc (Giám đốc) thông báo và chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, xin liên hệ Cục Công nghệ tin học, điện thoại: 04.37756789 (1519) - Fax: 04.37733413 để cùng phối hợp xử lý.//

##### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- PTD Nguyễn Kinh Anh (để báo cáo);
- Vụ TT, Sở GD (để phối hợp);
- Kho bạc Nhà nước (để phối hợp);
- Các thành viên hệ thống TTLNH (để nghị sao gửi các đơn vị thành viên trực thuộc);
- Chi Cục CNTT (để thực hiện);
- Lưu CNTT/CNTT5/CNTT6.

##### **Đính kèm:**

- Định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5;
- Phụ lục những thay đổi chính của định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5.



## PHỤ LỤC

### Những thay đổi chính của định dạng trao đổi dữ liệu IBPS2.5

(Đính kèm Công văn số 982/.....CNTT5 ngày 18/...7.../2017)

#### I. Nội dung tin điện thanh toán

STT	Tên trường	Mô tả	Nội dung thay đổi
1	TRX_TYPE	Loại dịch vụ	Bổ sung giá trị để đáp ứng với các loại dịch vụ thanh toán mới.
2	CURRENCY	Mã tiền tệ: - VND: Đồng Việt Nam; - USD: Đô la Mỹ; - EUR: Đồng tiền chung Châu Âu.	Bổ sung giá trị đáp ứng lệnh thanh toán ngoại tệ
3	EXCHANGE_RATE	Tỷ giá trao đổi tiền tệ: Định dạng số thực, 02 ký tự cuối là phần thập phân, phân tách phần thập phân sử dụng dấu phẩy “,” theo quy định của Việt Nam	Thêm mới để đáp ứng lệnh thanh toán ngoại tệ
4	AMOUNT	Số tiền: Định dạng số thực, 02 ký tự cuối là phần thập phân, phân tách phần thập phân sử dụng dấu phẩy “,” theo quy định của Việt Nam	Thay đổi định dạng lưu trữ để đáp ứng lệnh thanh toán ngoại tệ
5	SD_ID_NO	Thông tin giấy tờ kèm theo của người gửi	Thêm mới để lưu thông tin số CCCD hoặc mã số doanh nghiệp theo Thông tư 37/2016/TT-NHNN
6	SD_ISSUE_DATE	Ngày cấp giấy tờ kèm theo của người gửi	Thêm mới để lưu thông tin theo Thông tư 37/2016/TT-NHNN
7	SD_ISSUER	Nơi cấp giấy tờ kèm theo của người gửi	Thêm mới để lưu thông tin theo Thông tư 37/2016/TT-NHNN
8	RV_ID_NO	Thông tin giấy tờ kèm theo của người nhận	Thêm mới để lưu thông tin số CCCD hoặc mã số doanh nghiệp theo Thông tư 37/2016/TT-NHNN

STT	Tên trường	Mô tả	Nội dung thay đổi
9	RV_ISSUE_DATE	Ngày cấp giấy tờ kèm theo của người nhận	Thêm mới để lưu thông tin theo Thông tư 37/2016/TT-NHNN
10	RV_ISSUER	Nơi cấp giấy tờ kèm theo của người nhận	Thêm mới để lưu thông tin theo Thông tư 37/2016/TT-NHNN
11	OPERT1	<del>Mã loại nghiệp vụ 1</del>	Xóa bỏ trường thông tin không còn nhu cầu sử dụng, có thể sử dụng thông tin tại TRX_TYPE để phân biệt. Định dạng trao đổi dữ liệu cũ sử dụng để phân biệt loại lệnh, cụ thể: 30: lệnh chuyển có; 31: lệnh chuyển nợ.
12	CUS_TYPE	Phân biệt loại chứng từ: 100: chứng từ cá nhân; 101: chứng từ của tổ chức kinh tế.	Thay thế cho trường dữ liệu OPERT2
13	OPERT2	<del>Mã loại nghiệp vụ 2</del> Nhận các giá trị tại Bảng 6: Danh sách loại nghiệp vụ 2	Xóa bỏ trường thông tin, thay thế bằng trường thông tin CUS_TYPE. Định dạng trao đổi dữ liệu cũ sử dụng để phân biệt loại chứng từ, cụ thể: 100: chứng từ cá nhân; 101: chứng từ của tổ chức kinh tế.
14	SD_IDENTIFY	<del>Thông tin giấy tờ kèm theo của người gửi</del>	Xóa bỏ trường thông tin không còn nhu cầu sử dụng vì đã bổ sung thêm các trường nội dung mới SD_ID_NO; SD_ISSUE_DATE; SD_ISSUER để lưu những thông tin này. Định dạng trao đổi dữ liệu cũ sử dụng để lưu các thông tin giấy tờ kèm theo của người gửi
15	RV_IDENTIFY	<del>Thông tin giấy tờ kèm theo của người nhận</del>	Xóa bỏ trường thông tin không còn nhu cầu sử dụng vì đã bổ sung thêm các trường nội dung mới RV_ID_NO; RV_ISSUE_DATE; RV_ISSUER để lưu những thông tin này. Định dạng trao đổi dữ liệu cũ sử dụng để lưu các thông tin giấy tờ kèm theo của người nhận.
16	TAX_CODE	<del>Mã số thuế của người nhận</del>	Xóa bỏ trường thông tin không còn nhu cầu sử dụng. Định dạng trao đổi dữ liệu cũ sử dụng để lưu thông tin mã số thuế của người nhận. Đề nghị bỏ vì không sử dụng.

STT	Tên trường	Mô tả	Nội dung thay đổi
			Đối với thông tin mã số thuế cho lệnh thu NSNN đã thể hiện tại trường thông tin CONTENT_EX
17	OPTION1	Trường thông tin sử dụng cho các loại giao dịch khác nhau	Thêm mới
18	OPTION2	Trường thông tin sử dụng cho các loại giao dịch khác nhau	Thêm mới
19	OPTION3	Trường thông tin sử dụng cho các loại giao dịch khác nhau	Thêm mới
20	SPARE	Dự phòng cho các nghiệp vụ giao dịch khác	Thêm mới
21	MAC	- Mã kiểm tra dữ liệu; - Thuật toán để tạo ra chuỗi giá trị MAC là thuật toán SHA256	- Thay đổi độ dài từ 28 ký tự lên 44 ký tự. - Thay thế thuật toán tạo ra chuỗi giá trị MAC. - NHNN sẽ cung cấp chuỗi key (hiệu lực của key do NHNN quy định) ứng với từng thành viên khi thực hiện tạo MAC

## II. Thiết lập liên quan đến định dạng file text có cấu trúc

Thay đổi cho phép file trao đổi dữ liệu giữa Corebank của thành viên và phần mềm CITAD có thể chứa tối đa không quá 500 dòng dữ liệu (mỗi dòng dữ liệu tương ứng 01 giao dịch) cho phần Data. Các định dạng trao đổi dữ liệu trước đây quy định như sau:

- IBPS 1.0: mỗi file chứa 01 giao dịch;
- IBPS2.0, IBPS2.1, IBPS2.2, IBPS2.3: tối đa 20 dòng dữ liệu.

## III. Thiết lập liên quan đến định dạng bảng dữ liệu

Thực hiện chia tách bảng TBLTRANSACTIONMSG\_GTW thành 04 bảng độc lập, phục vụ cho từng loại giao dịch và nghiệp vụ:

- Bảng TBL\_TRANS\_OUT\_GTW: trao đổi thông tin giao dịch chuyển tiền đi từ hệ thống CoreBank của ngân hàng với Gateway của phần mềm CI-TAD;

- Bảng TBL\_TRANS\_IN\_GTW: trao đổi thông tin giao dịch chuyển tiền từ GateWay của phần mềm CI-TAD với hệ thống CoreBank của ngân hàng;
- Bảng TBL\_MATCH\_TRANS\_HO\_GTW: trao đổi thông tin đối chiếu cho hội sở của thành viên tham gia hệ thống TTLNH;
- Bảng TBL\_MATCH\_TRANS\_CI\_GTW: trao đổi thông tin đối chiếu cho các đơn vị thành viên của thành viên tham gia hệ thống TTLNH.

#### IV. Thay đổi tên File trao đổi dữ liệu

Tên file được đặt theo quy tắc sau: AAABBByyyyMMdd.hhmmss

	Định dạng IBPS1.0	Định dạng IBPS2.0	Định dạng IBPS2.3	Định dạng IBPS2.5	Ghi chú
AAA		GTW	GTW	GAW	Gate Way
BBB	N6DD.mmy	INC	IVS	ITF	File giao dịch đến (Incoming Transaction File)
	N6DD.mmy	OCS	OVS	OTF	File giao dịch đi (Outgoing Transaction File)
			OCR	ORF	File kết quả xử lý giao dịch đi (Outgoing Result transaction File)
	HV11%	ICH	ICH	IHB	File đối chiếu giá trị cao cho đơn vị thành viên (Incoming comparing High value file for Branch)
	LV11%	ICL	ICL	ILB	File đối chiếu giá trị thấp cho đơn vị thành viên (Incoming comparing Low value file for Branch)
	HHV11%	IHH	IHH	IHH	File đối chiếu giá trị cao cho hội sở (Incoming comparing High value file for Head office)

	Định dạng IBPS1.0	Định dạng IBPS2.0	Định dạng IBPS2.3	Định dạng IBPS2.5	Ghi chú
	HLV11%	ICL	IHL	ILH	File đối chiếu giá trị thấp cho hội sở (Incoming comparing Low value file for Head office)
			OLM	OAF	File lệnh tra soát đi (Outgoing Amendment File)
			ILM	IAF	File lệnh tra soát đến (Incoming Amendment File)
			ORM	ORA	File trả lời lệnh tra soát đi (Outgoing Response Amendment file)
			IRM	IRA	File trả lời lệnh tra soát đến (Incoming Response Amendment file)
			NET	NBF	File quyết toán theo lô (Netting Batch File)
YYYY					Năm
MM					Tháng
dd					Ngày
hhmmss					Giờ, phút, giây (tạo file)

#### V. Thay đổi tên bảng trao đổi dữ liệu

Loại dữ liệu	Định dạng IBPS1.0	Định dạng IBPS2.0	Định dạng IBPS2.3	Định dạng IBPS2.5	Ghi chú
Giao dịch	TBLIMPORT	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBL_TRANS_OUT_GTW	Lệnh đi

Loại dữ liệu	Định dạng IBPS1.0	Định dạng IBPS2.0	Định dạng IBPS2.3	Định dạng IBPS2.5	Ghi chú
	TBEXPORT	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBL_TRANS_IN_GTW	Lệnh đến
Dữ liệu đối chiếu cho chi nhánh	TBLHV11D	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBL_MATCH_TRANS_CI_GTW	Giá trị cao
	TBLLV11D	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBL_MATCH_TRANS_CI_GTW	Giá trị thấp
Dữ liệu đối chiếu cho hội sở	TBLHHV11D	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBL_MATCH_TRANS_HO_GTW	Giá trị cao
	TBLHLV11D	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBLTRANSACTIONMSG_GTW	TBL_MATCH_TRANS_HO_GTW	Giá trị thấp
Tra soát			TBLLETTERMSG_GTW	TBL_LETTERMSG_GTW	Lệnh đi
			TBLLETTERMSG_GTW	TBL_LETTERMSG_GTW	Lệnh đến
Trả lời tra soát			TBLLETTERMSGX_GTW	TBL_LETTERMSGX_GTW	Lệnh đi
			TBLLETTERMSGX_GTW	TBL_LETTERMSGX_GTW	Lệnh đến